

UBND HUYỆN KÔNG CHRO
ĐÀI TRUYỀN THANH – TRUYỀN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/TB-TTTH

Kông chro, ngày 03 tháng 05 năm 2017

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai xét duyệt quyết toán thu - chi ngân sách năm 2016 của
Đài Truyền thanh - Truyền hình

Thực hiện theo thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22/03/2005 của Bộ Tài chính về việc thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ kết quả kiểm tra quyết toán thu chi ngân sách năm 2016 của phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Không Chro đối với Đài Truyền thanh – Truyền hình.

Đài Truyền thanh – Truyền hình thông báo công khai xét duyệt quyết toán thu chi ngân sách năm 2016 (Có số liệu chi tiết kèm theo).

Hình thức công khai: Niêm yết trên bảng tin của đơn vị.

Đài Truyền thanh – Truyền hình thông báo cho các bộ phận chuyên môn và toàn thể cán bộ công nhân viên được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Văn Sáu

THÔNG BÁO

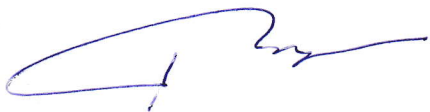
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN VÀ NGUỒN THU QUẢN CÁO NĂM 2016

ĐVT: đồng

Nội dung	Mục lục NSNN			Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
	Mã nguồn NS	Mã ngành KT	Mã nội dung kinh tế		
TỔNG CỘNG				2.081.855.418	2.081.855.418
Nguồn kinh phí NSNN				2.046.991.898	2.046.991.898
9527-12-252	12	252		2.019.757.898	2.019.757.898
Lương ngạch bậc	12	252	6001	486.757.054	486.757.054
Lương hợp đồng dài hạn	12	252	6003	38.637.546	38.637.546
Tiền công hợp đồng	12	252	6051	18.000.000	18.000.000
Phụ cấp chức vụ	12	252	6101	7.080.105	7.080.105
Phụ cấp khu vực	12	252	6102	79.508.000	79.508.000
Phụ cấp thu hút	12	252	6103	87.465.000	87.465.000
Phụ cấp làm đêm	12	252	6105	16.747.361	16.747.361
Phụ cấp thêm giờ	12	252	6106	49.851.358	49.851.358
Phụ cấp độc hại, nguy hiểm	12	252	6107	9.996.000	9.996.000
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12	252	6113	5.556.000	5.556.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung	12	252	6117	8.045.322	8.045.322
Tiền tàu xe nghỉ phép năm	12	252	6253	14.480.000	14.480.000
Tiền nước uống	12	252	6257	14.172.000	14.172.000
Phúc lợi tập thể khác	12	252	6299	2.400.000	2.400.000
Bảo hiểm xã hội	12	252	6301	113.277.085	113.277.085
Bảo hiểm y tế	12	252	6302	15.625.753	15.625.753
Kinh phí công đoàn	12	252	6303	11.390.410	11.390.410
Bảo hiểm thất nghiệp	12	252	6304	4.780.372	4.780.372
Thanh toán tiền điện	12	252	6501	60.115.080	60.115.080
Thanh toán tiền nước	12	252	6502	949.142	949.142
Thanh toán tiền nhiên liệu	12	252	6503	15.295.000	15.295.000
Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường	12	252	6504	1.200.000	1.200.000
Văn phòng phẩm	12	252	6551	22.455.000	22.455.000
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	12	252	6552	10.259.000	10.259.000
Cước phí điện thoại trong nước	12	252	6601	848.418	848.418
Cước phí bưu chính	12	252	6603	209.000	209.000
Thuê bao kênh vệ tinh	12	252	6605	5.430.000	5.430.000
Sách, báo, tạp chí thư viện	12	252	6612	754.500	754.500
Thuê bao đường điện thoại	12	252	6615	528.000	528.000
Cước phí internet, thư viện điện tử	12	252	6617	7.920.000	7.920.000
Tiền vé máy bay, tàu xe	12	252	6701	2.756.000	2.756.000
Phụ cấp công tác phí	12	252	6702	25.090.000	25.090.000
Tiền thuê phòng ngủ	12	252	6703	4.023.000	4.023.000
Khoản công tác phí	12	252	6704	9.300.000	9.300.000
Thuê lao động trong nước	12	252	6757	3.300.000	3.300.000
Thuê đào tạo lại cán bộ	12	252	6758	2.920.000	2.920.000
Sửa chữa trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng	12	252	6905	79.815.000	79.815.000

Nội dung	Mục lục NSNN			Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
	Mã nguồn NS	Mã ngành KT	Mã nội dung kinh tế		
Sửa chữa điều hòa nhiệt độ	12	252	6906	3.600.000	3.600.000
Sửa chữa thiết bị tin học	12	252	6912	23.420.000	23.420.000
Bảo trì, hoàn thiện phần mềm VT	12	252	6917	1.000.000	1.000.000
Sửa chữa đường điện, cấp thoát nước	12	252	6921	14.721.000	14.721.000
Sửa chữa tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	12	252	6949	100.226.898	100.226.898
Chi mua hàng hoá, vật tư chuyên môn	12	252	7001	11.525.000	11.525.000
Trang thiết bị KT chuyên dụng (không phải TSCĐ)	12	252	7002	89.116.000	89.116.000
Chi in ấn, phô tô tài liệu dùng cho chuyên môn	12	252	7003	3.012.000	3.012.000
Bảo hộ lao động	12	252	7005	4.600.000	4.600.000
Chi thanh toán hợp đồng thực hiện ng.vụ ch.môn	12	252	7012	14.910.000	14.910.000
Chi trả nhuận bút theo chế độ	12	252	7013	13.458.596	13.458.596
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác	12	252	7049	29.000.000	29.000.000
Chi các khoản phí và lệ phí	12	252	7756	9.032.000	9.032.000
Chi hỗ trợ khác	12	252	7758	4.700.000	4.700.000
Chi tiếp khách	12	252	7761	20.392.000	20.392.000
Chi các khoản khác	12	252	7799	12.242.898	12.242.898
Chi bầu cử HĐND các cấp	12	252	7902	10.000.000	10.000.000
Mua trang thiết bị chuyên dụng	12	252	9055	417.865.000	417.865.000
9527-14-252	14	252		27.234.000	27.234.000
Lương ngạch bậc	14	252	6001	23.955.000	23.955.000
Phúc lợi tập thể khác	14	252	6299	3.279.000	3.279.000
Nguồn kinh phí thu hoạt động quảng cáo				34.863.520	34.863.520
Phúc lợi tập thể khác		252	6299	20.823.520	20.823.520
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng		252	6552	1.150.000	1.150.000
Sửa chữa thiết bị tin học		252	6912	840.000	840.000
Chi mua hàng hoá, vật tư chuyên môn		252	7001	750.000	750.000
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn khác		252	7049	4.600.000	4.600.000
Chi hỗ trợ khác		252	7758	6.700.000	6.700.000

KẾ TOÁN



Phạm Đức Diện

Ngày 03 tháng 05 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Sáu

UBND HUYỆN KÔNG CHRO
ĐÀI TRUYỀN THANH TRUYỀN HÌNH
Mã số ĐVSDNS: 1101618

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI TIẾT THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2017

(Theo quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 24/12/2016 của UBND Huyện.
Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị năm 2017)

Mã chương: 640 Mã ngành KT: 252 Tài khoản: 9527.3.1101618

ĐVT: 1000đ

Tiểu nhóm	Mục	Nội Dung	Tổng số	Chia ra quý			
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
		TỔNG THU:					
		TỔNG CHI:					
0129		Thanh toán cá nhân	1.453.000	464.190	353.170	353.170	341.170
	6000	Tiền lương	966.582	256.072	256.070	256.070	257.070
	6050	Tiền công	572.669	143.168	143.167	143.167	143.167
	6100	Phụ cấp	18.000	4.500	4.500	4.500	4.500
	6250	Phúc lợi tập thể	203.113	64.204	64.203	64.203	64.203
	6300	Các khoản đóng góp	32.000	9.000	9.000	9.000	10.000
0130		Chi mua hàng hóa dịch vụ	140.800	35.200	35.200	35.200	35.200
	6500	Dịch vụ công cộng	430.700	192.400	83.100	83.100	72.100
	6550	Cung ứng văn phòng phẩm	81.200	20.300	20.300	20.300	20.300
	6600	Thông tin tuyên truyền	55.000	17.000	13.000	13.000	12.000
	6700	Công tác phí	15.200	3.800	3.800	3.800	3.800
	6750	Chi phí thuê mượn	52.000	14.000	14.000	14.000	10.000
	6900	Sửa chữa nhỏ TX TSCĐ	5.000	5.000			
	7000	Chi nghiệp vụ CM từng ngành	36.000	10.000	10.000	10.000	6.000
0132		Chi các khoản khác	186.300	122.300	22.000	22.000	20.000
	7750	Chi khác	55.718	15.718	14.000	14.000	12.000
			55.718	15.718	14.000	14.000	12.000
		Tổng cộng	1.453.000	464.190	353.170	353.170	341.170

Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm năm mươi ba triệu đồng chẵn

Kế toán



Phạm Đức Diện

Kông chro, ngày 04 tháng 01 năm 2017
Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Sáu

Số: 706/QĐ-UBND

Kông Chro, ngày 24 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v Giao dự toán thu, chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 91/2016/TT-BTC ngày 24/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2017 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số: 03/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện khoá VI kỳ họp thứ hai về việc phê duyệt dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2017;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước cho các cơ quan, đơn vị năm 2017 *(Chi tiết kèm theo)*.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2017 được giao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo nhiệm vụ cải cách tiền lương năm 2017 với các nội dung:

1. Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị.

2. 10% tiết kiệm chi thường xuyên *(trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ)*. Giao phòng Tài chính – Kế hoạch huyện thẩm định và giao chỉ tiêu tiết kiệm 10% chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị theo quy định.

3. Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2016 còn dư chuyển sang *(nếu có)*.

Điều 3. Giao phòng Tài chính – Kế hoạch huyện hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện dự toán ngân sách năm 2017 theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, các văn bản hướng dẫn thi hành và Thông tư số 91/2016/TT-BTC ngày 24/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; bố trí, sử dụng kinh phí chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; chủ động bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ công tác trong năm

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Chi Cục trưởng Chi Cục Thuế huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Huyện uỷ (B/cáo);
- Thường trực HĐND huyện (B/cáo);
- Sở Tài chính tỉnh (B/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT //

Phan Văn Trung

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 706 /QĐ-UBND, ngày 24 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện Kông Chro)

ĐƠN VỊ: ĐẠI TRUYỀN HÌNH

(Đvt : 1.000 đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Tổng số	Ghi chú
I	TỔNG THU	0	
II	TỔNG CHI	1.453.000	
-	Kinh phí hoạt động của đài	1.001.000	
-	Kinh phí vùng lõm	200.000	
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa và chi cho công tác nghiệp vụ chuyên môn (theo quy định của tỉnh)	252.000	